|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** | **Thông tin học phần** |
|  | **Tên học phần:** | **KINH TẾ VI MÔ NÂNG CAO****Advanced Microeconomics** |
|  | **Mã số:**  | ECS505 |
|  | **Thời lượng:** | 2(2-0) |
|  | **Loại:** | Bắt buộc |
|  | **Trình độ đào tạo:** | Thạc sĩ |
|  | **Đáp ứng CĐR:** | 2, 3 |
|  | **Học phần tiên quyết:** | Không |
|  | **Giảng viên biên soạn:** | TS. Phạm Hồng Mạnh |
|  | **Bộ môn quản lý:** | Kinh tế học |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.** | **Mô tả** |
|  | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về lý thuyết sản xuất và tiêu dùng trong thị trường cạnh tranh, thị trường độc quyền; các quyết định kinh doanh thông qua phân tích lý thuyết trò chơi; lý thuyết về những biến dạng của thị trường như thông tin bất cân xứng, hàng hóa công, ngoại tác; và vận dụng các lý thuyết kinh tế để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cũng như làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành. |

|  |  |
| --- | --- |
| **3.** | **Mục tiêu** |
|  | Mục tiêu của học phần này nhằm trang bị cho học viên: các nguyên lý của kinh tế vi mô vận dụng trong thực tiễn quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh; khả năng áp dụng các kiến thức của môn học để phân tích và đánh giá các vấn đề chính sách công và các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn sản xuất kinh doanh; khả năng sử dụng kiến thức nền tảng của kinh tế học vi mô cho các môn học chuyên ngành. |

|  |  |
| --- | --- |
| **4.** | **Kết quả học tập mong đợi** |
|  | Sau khi học xong học phần, học viên có thể: |
| 1) | Hiểu rõ các khái niệm, nguyên lý và phương pháp phân tích lý thuyết của kinh tế học vi mô, ý nghĩa và vai trò nền tảng của nó đối với chuyên ngành đào tạo.  |
| 2) | Sử dụng các kiến thức để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề về chính sách kinh tế, chính sách kinh doanh của doanh nghiệp . |
| 3) | Sử dụng các kiến thức được trang bị để có thể học tập tốt các môn chuyên ngành. |

|  |  |
| --- | --- |
| **5.** | **Nội dung** |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nhằm đạt KQHT** | **Số tiết** |
| **LT** | **TH** |
| 11.11.21.3 | **Lý thuyết về người sản xuất**Lý thuyết sản xuấtLý thuyết chi phíTối đa hóa lợi nhuận và đường cung cạnh tranh | 1, 3 | 4 | 0 |
| 22.12.22.32.4 | **Lý thuyết về người tiêu dùng**Đường cầu thông thường và đường cầu bù đắpTác động thay thế và tác động thu nhập - Phương trình SluckyPhân tích các chương trình trợ cấpPhân tích mô hình đường cung lao động | 1, 2, 3 | 4 | 0 |
| 33.13.23.33.4 | **Phân tích thị trường cạnh tranh**Thặng dư của người tiêu dùng và của người sản xuất Phân tích chính sách kiểm soát giáPhân tích chính sách thuế và trợ cấpPhân tích chính sách ngoại thương | 1, 3 | 5 | 0 |
| 44.14.24.34.44.5 | **Định giá khi có thế lực thị trường**Thặng dư của người tiêu dùng khi có thế lực độc quyềnGiá cả phân biệt (giá cả phân biệt cấp 1, 2, 3)Phân biệt giá cả theo thời điểm và định giá cho lúc cao điểmGiá cả 2 phầnGiá gộp | 1, 2 | 4 | 0 |
| 55.15.25.35.45.55.6 | **Lý thuyết trò chơi và chiến lược cạnh tranh**Trò chơi hợp tác và không hợp tácChiến lược ưu thếCân bằng NashCác trò chơi lặp lại và hợp tácCác trò chơi tuần tự và lợi thế của người đi trướcNgăn chặn gia nhập ngành | 1, 2 | 5 | 0 |
| 66.16.26.36.46.56.6 | **Thị trường với thông tin bất cân xứng**Sự không chắc chắn về chất lượng và thị trường hàng hóa cũThị trường bảo hiểm và tâm lý ỷ lạiPhát tín hiệu cho thị trường Trở ngại về tâm lýVấn đề người ủy nhiệm, người tác nghiệp Thông tin không cân xứng trên thị trường lao động: lý thuyết hiệu quả tiền lương | 1, 2 | 4 | 0 |
| 77.17.27.37.47.57.6 | **Ngoại tác và hàng hóa công**Ngoại tácCác biện pháp can thiệp của chính phủ nhằm đạt hiệu quảĐịnh lý Coase và các điều kiện áp dụngNhững tài nguyên sở hữu chungHàng hóa côngCung cấp hiệu quả hàng hóa công | 1, 2, 3 | 4 | 0 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **6.** | **Học liệu** |  |
| 1) | Robert S. Pindyck và Daniel L. Rubinfeld (2009), *Economics*, 7th, Prentice-Hall International, Inc., 2009.  |
| 2) | N. Gregory Mankiw (2000), *Nguyên lý kinh tế học (Ấn bản lần thứ 3)*, Nhà xuất bản South-Western. |
| 3) | Geoffrey A. Jehle, Philip J. Reny. (2011), *Advance microeconomics theory 3th*, NXB. Pearson Education Limite. |
| 4) | Hal R. Varian. (2010*), Intermediate Microeconomics – A modern approach*, W. W. Norton & Company, Inc. |

|  |  |
| --- | --- |
| **7.** | **Kiểm tra và Đánh giá** |
| **TT** | **Hình thức kiểm tra, đánh giá** | **Nhằm đạt KQHT** | **Trọng số (**%) |
| 1 | Kiểm tra thường xuyên (lớp < 15 HV), (vấn đáp)Hoặc kiểm tra giữa kỳ (lớp > 15 HV), (viết) | 1 | 10 |
| 2 | Đồ án học phần | 1, 2 | 20 |
| 3 | Thi kết thúc học phần (viết) | 1, 2 | 70 |

|  |
| --- |
| **Giảng viên biên soạn:** |
| **Họ và tên** | **Chức danh, học vị** | **Chữ ký** |
| Phạm Hồng Mạnh | Tiến sĩ |  |
| **Ngày cập nhật cuối cùng: 27/01/2015** |